

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Văn kiện Dự án “Hỗ trợ kỹ thuật Tạo thuận lợi thương mại” do Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ tài trợ

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 623/QĐ-TTg ngày 24 tháng 05 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương thực hiện Dự án “Hỗ trợ kỹ thuật Tạo thuận lợi thương mại”;

Căn cứ Quyết định số 1148/QĐ-BTC ngày 09 tháng 07 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc phê duyệt Văn kiện dự án “Hỗ trợ kỹ thuật Tạo thuận lợi thương mại (Dự án TFP)”;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan và Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Văn kiện Dự án “Hỗ trợ kỹ thuật Tạo thuận lợi thương mại” (sau đây gọi tắt là “Dự án TFP”) do Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ tài trợ được phê duyệt tại Quyết định số 1148/QĐ-BTC ngày 09 tháng 07 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Các nội dung điều chỉnh chủ yếu bao gồm:

1. Bổ sung Hợp phần A - Các hoạt động xuyên suốt.
2. Điều chỉnh dự kiến phân bổ ngân sách ODA của Nhà tài trợ.
3. Điều chỉnh Kế hoạch tổng thể kèm theo Văn kiện Dự án TFP.

(Văn kiện Dự án TFP điều chỉnh kèm theo)



Điều 2. Giao Giám đốc Ban Quản lý Dự án TFP chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Dự án theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và Nhà tài trợ.

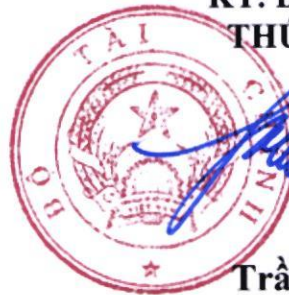
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Cục trưởng Cục Kế hoạch Tài chính, Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại, Giám đốc Ban Quản lý Dự án TFP và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VT, HTQT (9b). /s/

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Xuân Hà



VĂN KIẾN DỰ ÁN
Dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA

**“HỖ TRỢ KỸ THUẬT TẠO THUẬN LỢI THƯƠNG MẠI
(DỰ ÁN TFP)”**

(Kèm theo Quyết định số 831/QĐ-BTC ngày 20/5/2022 của Bộ Tài chính)

Hà Nội, tháng 5 năm 2022

VĂN KIẾN DỰ ÁN
DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT TẠO THUẬN LỢI THƯƠNG MẠI
DO CƠ QUAN PHÁT TRIỂN QUỐC TẾ HOA KỲ TÀI TRỢ

(Kèm theo Quyết định số 831/QĐ-BTC ngày 20/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt điều chỉnh Văn kiện Dự án Tạo thuận lợi thương mại)

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

- 1. Tên Dự án:** Hỗ trợ kỹ thuật Tạo thuận lợi thương mại (Dự án TFP)
- 2. Tên Nhà tài trợ:** Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ
- 3. Cơ quan Chủ quản:** Bộ Tài chính
 - a) Địa chỉ liên lạc: Số 28 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
 - b) Số điện thoại/fax: (024) 22202828
- 4. Chủ Dự án: Tổng cục Hải quan**
 - a) Địa chỉ liên lạc: Lô E3, Đường Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
 - b) Số điện thoại/fax: (024) 39440833, Fax: (024) 39440645
- 5. Thời gian thực hiện dự án:** 05 năm kể từ khi hoàn tất các thủ tục phê duyệt.
- 6. Địa điểm thực hiện dự án:** Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan và các Cục Hải quan địa Phương) và một số Bộ, ngành địa phương liên quan.

II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN

1. Sự phù hợp và các đóng góp của Dự án vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, quy hoạch phát triển ngành, vùng và địa phương:

Trước những tác động của quá trình hội nhập kinh tế và thương mại toàn cầu, Chiến lược phát triển Hải quan giai đoạn 2011- 2020 (gọi tắt là Chiến lược 2020) được Thủ tướng phê duyệt tại quyết định 448/QĐ-TTg ngày 25/03/2011 đã xác định những trụ cột chính đảm bảo việc phát triển ngành hải quan theo đúng định hướng, theo sát yêu cầu của nhiệm vụ chính trị được giao bao gồm: (i) Thể chế và hệ thống quy trình thủ tục hải quan dần tiệm cận tiến tới hòa nhập với chuẩn mực và thông lệ quốc tế; (ii) Bộ máy tổ chức chính quy với đội ngũ cán bộ, công chức chuyên nghiệp, chuyên sâu, tinh nhuệ; và (iii) Có hệ thống công cụ hỗ trợ thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước về hải quan hiện đại trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ thuật và trang thiết bị tiên tiến.

Chiến lược xác định mục tiêu tổng quát xây dựng Hải quan Việt Nam hiện đại, có cơ chế, chính sách đầy đủ, minh bạch, thủ tục hải quan đơn giản, hài hòa đạt chuẩn mực quốc tế, áp dụng rộng rãi phương thức quản lý rủi ro, đạt trình độ tương đương với các nước tiên tiến trong khu vực Đông Nam Á.

Ở bình diện quốc gia, xuất phát từ nhu cầu nội tại của nền kinh tế cũng như cam kết về một chính phủ đổi mới, phục vụ và kiến tạo, Chính phủ cũng đã ban hành các Nghị quyết số 19/NQ-CP lần lượt các năm từ 2014 đến 2018, trong đó, việc thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia và cải cách công tác quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu luôn được coi là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Dự án sẽ góp phần thực hiện mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia được đánh giá từ góc độ tạo thuận lợi thương mại đối với hàng hóa xuất nhập khẩu từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, môi trường đầu tư ổn định, thúc đẩy đầu tư, sản xuất kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu, thương mại qua biên giới.

2. Mối quan hệ với các chương trình, dự án khác nhằm hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của Dự án:

Hiện tại Tổng cục Hải quan đã và đang triển khai các dự án, chương trình được tài trợ từ các nguồn khác nhau nhằm nỗ lực triển khai các cam kết về tạo thuận lợi thương mại, yêu cầu về cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm thời gian thông quan, cụ thể:

- Dự án hỗ trợ kỹ thuật của Quỹ Thịnh Vượng Chung Vương Quốc Anh về chuẩn bị thực hiện Hiệp định Tạo thuận lợi Thương mại của WTO (2014- 2015)

- Chương trình Mecator do Tổ chức Hải quan Thế giới thực hiện liên quan đến tăng cường năng lực về một số lĩnh vực nghiệp vụ cho Hải quan Việt Nam trong thực thi Hiệp định tạo thuận lợi thương mại của WTO (2018-2020)

- Dự án thí điểm về bảo lãnh thông quan do USAID Hoa Kỳ tài trợ (2018-2021)

- Dự án Quản trị nhà nước nhằm tăng trưởng toàn diện (GIG) với vai trò là 1 bên thụ hưởng (2014-2018)

Các chương trình hỗ trợ của Ngân hàng Thế giới, Trung tâm thương mại quốc tế và các cơ quan Hải quan đối tác về các lĩnh vực nghiệp vụ kỹ thuật như xác định trước, xác định trọng điểm, doanh nghiệp ưu tiên...

Dự án Tạo thuận lợi thương mại là sự tiếp nối triển khai các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật từ các dự án, chương trình nêu trên đảm bảo cho Hải quan Việt Nam hoàn thành mục tiêu chiến lược đến 2020 và tiếp tục xây dựng chiến lược cho giai đoạn 2021 đến 2030.

3. Sự cần thiết của dự án:

Tạo thuận lợi thương mại ngày càng có vai trò hết sức quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp tới các quốc gia về mọi phương diện, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại nói chung và hoạt động xuất nhập khẩu nói riêng. Trước yêu cầu của thực tiễn thương mại thế giới, một hiệp định đa phương tạo dựng

khuôn khổ pháp lý cho các biện pháp tạo thuận lợi thương mại sau gần 10 năm đàm phán đã được thông qua tại Hội nghị Bộ trưởng Tổ chức thương mại thế giới (WTO) lần thứ 9 tại Bali-Indonesia.

Hiệp định Tạo thuận lợi thương mại (Hiệp định WTO TFA), có hiệu lực từ ngày 22/02/2017 sau khi 2/3 số thành viên của WTO phê chuẩn Hiệp định. Việt Nam, với tư cách là một thành viên của WTO, cũng đã hoàn tất việc phê chuẩn Hiệp định vào ngày 26/11/2015. Sau khi Quốc Hội ban hành Nghị quyết phê chuẩn Hiệp định nói trên, theo đó Chính phủ đã giao cho Bộ Tài chính chủ trì triển khai thực hiện Hiệp định tại Quyết định số 1969/QĐ-TTg ngày 13/10/2016 về phê duyệt Kế hoạch chuẩn bị và triển khai thực hiện Hiệp định TFA WTO.

Theo quy định của Hiệp định, trên cơ sở rà soát thực tiễn quản lý của nước thành viên các cam kết có thể được phân thành 3 nhóm: (i) Cam kết Nhóm A – thực hiện ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực, (ii) Cam kết Nhóm B – thực hiện sau một thời gian quá độ và (iii) Cam kết Nhóm C – cần một thời gian quá độ và cần có sự hỗ trợ xây dựng năng lực để thực hiện.

Như vậy, cùng với việc Hiệp định chính thức có hiệu lực, Việt Nam có nghĩa vụ thực hiện các cam kết của Hiệp định theo các Nhóm A, B và C theo thời hạn thông báo với WTO. Theo đó, Việt Nam đã hoàn thành việc thông báo cho WTO các nhóm cam kết A,B,C với thời hạn thực hiện trung bình của các cam kết nhóm B và C là từ 3 năm đến 5 năm sau khi Hiệp định có hiệu lực. Việc tìm kiếm nguồn hỗ trợ để thực hiện đầy đủ các cam kết nhóm B,C là nghĩa vụ của mỗi thành viên nhằm triển khai các cam kết theo lộ trình đã thông báo.

Ngoài Hiệp định TFA nêu trên, Việt Nam đã ký kết và triển khai nhiều Hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương, theo đó các cam kết về tạo thuận lợi thương mại được đặt ở vị trí ưu tiên, đặc biệt là việc triển khai các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới với các cam kết cao về thuận lợi hóa thương mại.

Với vai trò là cơ quan đầu mối của Ủy ban Quốc gia về Cơ chế một cửa ASEAN, Cơ chế một cửa quốc gia và Tạo thuận lợi Thương mại theo Quyết định số 1899/QĐ-TTg ngày 4/10/2016 của Chính phủ, Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) đã trình Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động thúc đẩy cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN, cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và tạo thuận lợi thương mại giai đoạn 2018-2020 (Quyết định số 1254/QĐ-TTg ngày 26/9/2018) với các mục tiêu nhằm: (i) cải cách thủ tục hành chính liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu và quá cảnh (ii) triển khai đầy đủ cơ chế một cửa ASEAN (iii) các cơ quan Chính phủ kết nối và chia sẻ thông tin trên Cổng thông tin một cửa quốc gia (iv) cải cách toàn diện công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Theo đó các Bộ, ngành liên quan phải xây dựng kế hoạch chi tiết để thực hiện các nhiệm vụ cụ thể để hoàn thành các nhiệm vụ được giao theo các giải pháp trong Kế hoạch đã ban hành.

4. Nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật bằng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

Việc tiếp nhận hỗ trợ từ Cơ quan Phát triển Hoa Kỳ (USAID) không những giúp Việt Nam triển khai đầy đủ, đúng thời hạn các cam kết của Hiệp định TFA mà còn phù hợp với Kế hoạch hành động thúc đẩy cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN, cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành nêu trên.

Ngoài ra, Dự án sẽ giúp các Bộ, ngành của Việt Nam tiếp cận với đội ngũ chuyên gia hàng đầu, các chuẩn mực và thông lệ quốc tế tốt nhất trong các lĩnh vực liên quan, giúp thúc đẩy các nỗ lực của Việt Nam về tạo thuận lợi thương mại.

Bộ Tài chính xác định dự án hỗ trợ kỹ thuật “Tạo thuận lợi thương mại (Dự án TFP)” là hết sức thiết thực, đúng thời điểm và rất cần thiết nhằm hỗ trợ triển khai thực hiện Hiệp định WTO TFA, trong bối cảnh Hiệp định đã có hiệu lực và Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) đang tích cực xây dựng kế hoạch và triển khai các cam kết B và C của Hiệp định. Dự án TFP cũng phù hợp với qui định của Hiệp định về việc xác định nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật và tìm kiếm đối tác hỗ trợ xây dựng năng lực. Với nguồn hỗ trợ có giá trị lớn, chương trình này sẽ mang lại nguồn trợ giúp vô cùng quý báu giúp thực hiện các cam kết của Hiệp định WTO TFA nói riêng và các nỗ lực tạo thuận lợi thương mại nói chung của Việt Nam.

III. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT NHÀ TÀI TRỢ

Cơ quan Phát triển Quốc tế của Hoa Kỳ (USAID) là cơ quan thuộc Chính phủ Hoa Kỳ thực hiện viện trợ dân sự cho các đối tác nước ngoài. Từ những năm 2000, USAID bắt đầu triển khai các chương trình hỗ trợ cho Chính phủ Việt Nam trên nhiều lĩnh vực, bao gồm: tăng trưởng kinh tế và quản trị nhà nước, giáo dục đại học, y tế môi trường và biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học/chống buôn bán các loài hoang dã và cứu trợ thiên tai.

Trong quá trình Việt Nam tham gia hội nhập quốc tế, USAID đóng vai trò quan trọng giúp Việt Nam vươn tới các thị trường toàn cầu thông qua việc hỗ trợ Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và ký kết Hiệp định Thương mại Song phương Việt Nam - Hoa Kỳ. Năm 2013, sau khi chính phủ hai nước Việt Nam và Hoa Kỳ thiết lập “Quan hệ Đối tác Toàn diện” giữa hai quốc gia, các hoạt động hợp tác giữa USAID và Việt Nam ngày càng được đẩy mạnh.

Dự án Hỗ trợ thi hành pháp luật về hội nhập (Dự án Star Plus) do Bộ Tư pháp là cơ quan chủ quản cũng đã giúp Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) trong quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật về hải quan trong giai đoạn đầu của hội nhập.

Dự án Quản trị nhà nước nhằm tăng trưởng toàn diện (GIG) do USAID tài trợ được thực hiện từ 2014-2018, đã tập trung hỗ trợ Việt Nam trong lĩnh

vực thương mại và kinh tế, trong đó có việc tăng cường hội nhập sâu rộng với các quốc gia trên thế giới, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và hỗ trợ Việt Nam thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết. Hiệu quả của việc triển khai các hoạt động của Dự án đã được đánh giá sau khi Dự án kết thúc, theo đó Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) là một trong những đơn vị thụ hưởng triển khai thực hiện được nhiều hoạt động nhất.

Như vậy, đề xuất hỗ trợ dự án Tạo thuận lợi thương mại của USAID phù hợp với mục tiêu tìm kiếm nhà tài trợ để thực thi đầy đủ các cam kết của Hiệp định TFA theo lộ trình mà Việt Nam đã thông báo theo nghĩa vụ thành viên. Ngoài ra, với khả năng cung cấp các chuyên gia từ Hải quan Hoa Kỳ về các kỹ thuật quản lý hải quan hiện đại cũng là một trong những lý do để xem xét quyết định lựa chọn USAID.

Đối với nhà tài trợ USAID, dự án TFP hiện đang là ưu tiên hàng đầu trong định hướng hợp tác với các cơ quan tại Việt Nam.

Theo thông báo tài trợ, USAID không nêu điều kiện cung cấp vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

Mặt khác, Dự án này không phải dự án đầu tiên thực hiện dưới sự tài trợ của USAID. Nhìn chung, các quy định của Nhà tài trợ đối với dự án này không khác biệt so với các quy định thông thường đối với tất cả các dự án mà USAID thực hiện tài trợ trước đó. Do các quy định của Nhà tài trợ là các quy định công khai, minh bạch, nhất quán và đã được Chính phủ Việt Nam chấp thuận (theo tiền lệ của các dự án hỗ trợ trước đây) nên phía Việt Nam hoàn toàn có thể đáp ứng các quy định của Nhà tài trợ trong khuôn khổ dự án này

IV. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN

1. Mục tiêu tổng thể:

Cải cách, chuẩn hóa, hài hòa hóa và đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất nhập khẩu phù hợp với các chuẩn mực quốc tế nhằm thực hiện Hiệp định Tạo thuận lợi thương mại của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO TFA) và chủ trương cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

2. Mục tiêu cụ thể:

Dự án có các mục tiêu cụ thể, bao gồm:

(i) Triển khai hiệu quả Cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN, cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và thực hiện Hiệp định tạo thuận lợi thương mại của WTO, củng cố vai trò của Ủy ban Tạo thuận lợi thương mại quốc gia;

(ii) Tạo thuận lợi đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, áp dụng quản lý rủi ro nhằm tạo thuận lợi thương mại;

(iii) Thúc đẩy hoạt động tăng cường năng lực cán bộ công chức hải quan, các Bộ, ngành và địa phương, tăng cường thực thi và phối hợp giữa các địa phương được lựa chọn;

(iv) Thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa Hải quan và khu vực tư nhân.

V. MÔ TẢ DỰ ÁN

1. Các hợp phần của Dự án, hoạt động và kết quả chủ yếu:

Hợp phần A - Các hoạt động xuyên suốt

Mô tả: Các hoạt động theo dõi, đánh giá, học tập quản lý dự án và bình đẳng giới trong thực hiện Dự án.

Mục tiêu của Hợp phần A:

- Xây dựng văn hóa học tập và lồng ghép các hoạt động CLA (phối hợp, học hỏi và điều chỉnh) trong suốt Dự án.

- Lồng ghép vấn đề giới vào các hoạt động của Dự án và nêu bật vai trò của phụ nữ trong thương mại.

Các kết quả đầu ra dự kiến đạt được:

- Báo cáo tổng kết hội thảo học tập hàng quý; Năng lực theo dõi, đánh giá và học tập được nâng cao (MEL); Báo cáo tóm tắt nội dung hợp sơ kết đánh giá hàng năm.

- Chương trình bồi dưỡng về lồng ghép giới trong các hoạt động của Dự án cho đội ngũ cán bộ dự án; Báo cáo/nghiên cứu tập trung về giới.

Kết quả chủ yếu: Năng lực quản lý Dự án được chuẩn hóa. Yêu cầu về lồng ghép giới trong các hoạt động của Dự án được thực hiện.

Hợp phần 1: Đơn giản hóa và hài hòa hóa các chính sách thủ tục giữa các cơ quan Chính phủ Việt Nam.

Mô tả: Các hoạt động hướng tới việc thúc đẩy các sáng kiến liên quan đến luật pháp và thể chế mà Chính phủ Việt Nam ưu tiên và những chính sách có khả năng hỗ trợ cho việc thực thi hiệu quả Hiệp định Tạo thuận lợi Thương mại (TFA) của WTO.

Mục tiêu của Hợp phần 1:

- Hỗ trợ triển khai hiệu quả cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN.

- Cải cách toàn diện công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

- Thực thi toàn diện, đầy đủ và thực chất Hiệp định Tạo thuận lợi Thương mại của WTO.

Kết quả chủ yếu: Thể chế, chính sách liên quan đến tạo thuận lợi thương mại được xây dựng và thực thi tập trung chủ yếu vào triển khai cơ chế 1 cửa, công

tác kiểm tra chuyên ngành và thực hiện cam kết tại Hiệp định Tạo thuận lợi thương mại của WTO.

Các kết quả đầu ra dự kiến đạt được:

- Báo cáo nghiên cứu khả thi phục vụ xây dựng hệ thống công nghệ thông tin nâng cao hiệu quả triển khai cơ chế một cửa quốc gia và một cửa ASEAN;
- Phương án chuyển đổi nền tảng hạ tầng đáp ứng yêu cầu triển khai công nghệ Blockchain trong kết nối trao đổi thông tin phục vụ triển khai cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và các đối tác ngoài ASEAN;
- Báo cáo Chính phủ giao các Bộ, ngành hoặc có văn bản kiến nghị các Bộ, ngành sửa đổi bổ sung các văn bản pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu đáp ứng theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại các Nghị quyết 19/NQ-CP, Quyết định 2026/QĐ-TTg và Quyết định 1254/QĐ-TTg;
- Báo cáo đánh giá chi tiết mức độ thực thi trên thực tế cam kết tại Hiệp định Tạo thuận lợi thương mại ở Việt Nam;
- Danh mục các vấn đề cần tiếp tục triển khai/hoàn thiện để thực hiện Hiệp định TFP;
- Danh mục các văn bản pháp quy cần sửa đổi, bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu thực thi cam kết Hiệp định;
- Kế hoạch thực hiện chi tiết triển khai cam kết B, C với lộ trình cụ thể theo thời gian chuyển đổi đã thông báo cho WTO;
- Cơ chế/cách thức theo dõi, đánh giá tiến độ và hiệu quả triển khai cam kết theo Hiệp định;
- Cơ chế điều phối, phối hợp được ban hành; các đợt tham vấn liên quan đến thực thi Hiệp định giữa các bên liên quan được tổ chức thường xuyên.
- Cùng cố vai trò của Ủy ban chỉ đạo quốc gia về Cơ chế 1 cửa ASEAN, cơ chế 1 cửa quốc gia và tạo thuận lợi thương mại.
- Báo cáo đánh giá đối chiếu tổng thể pháp luật của Việt Nam trong lĩnh vực thương mại quốc tế với các cam kết quốc tế của Việt Nam về tạo thuận lợi thương mại và đề xuất việc hoàn thiện

Hợp phần 2: Tăng cường phối hợp giữa trung ương và địa phương về chính sách tạo thuận lợi thương mại và thúc đẩy tạo thuận lợi đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

Mô tả: Tạo thuận lợi đối với hàng hóa xuất nhập khẩu bằng cách bảo đảm rằng các chính sách và thủ tục tạo thuận lợi thương mại của Chính phủ Việt Nam được thực hiện hiệu quả hơn thông qua tăng cường phối hợp, hợp tác và trao đổi thông tin.

Mục tiêu của Hợp phần 2:



Công tác quản lý kiểm tra giám sát hải quan đáp ứng chuẩn mực quốc tế, minh bạch các quy định pháp luật nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa.

Kết quả chủ yếu: Cơ chế chỉ đạo và phối hợp thực hiện các chính sách liên quan đến tạo thuận lợi thương mại được xây dựng và thực hiện hiệu quả từ trung ương đến địa phương theo ngành dọc và giữa các Bộ, ngành liên quan theo chiều ngang.

Các kết quả đầu ra dự kiến đạt được:

- Các đề xuất sửa đổi, bổ sung văn bản pháp luật và biện pháp kỹ thuật nghiệp vụ hải quan nhằm hỗ trợ triển khai hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu

- Báo cáo rà soát cơ sở pháp lý và kinh nghiệm của các nước về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa;

- Báo cáo rà soát quy trình kiểm tra tự chứng nhận xuất xứ của hải quan;

- Báo cáo đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật về xuất xứ hàng hóa;

- Báo cáo kinh nghiệm chống gian lận xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp của Hải quan các nước;

- Báo cáo đề xuất quy trình quản lý rủi ro trong thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu qua đường bưu điện, chuyển phát nhanh;

- Báo cáo đánh giá chương trình đo lường tuân thủ trong hoạt động xuất nhập khẩu;

- Hệ thống phân tích thông tin trị giá hải quan được xây dựng và áp dụng hiệu quả;

- Các quy trình thực hiện gồm: (i) Quy trình thanh toán điện tử, (ii) Quy trình thanh toán tiền phí, lệ phí theo mã số thuế, (iii) Quy trình thanh toán tiền thuế theo số tờ khai hải quan được ban hành và triển khai thực hiện;

- Hoàn thiện quy trình và thủ tục xác định trước mã số, xuất xứ và trị giá đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu;

- Hỗ trợ áp dụng quy trình xử lý trước khi hàng đến đối với hàng hóa nhập khẩu;

- Hỗ trợ Chính phủ Việt Nam thực hiện Công ước Istanbul về Tạm quản hàng hóa;

- Khảo sát và trao đổi học hỏi kinh nghiệm với Hải quan Hoa Kỳ và một số nước tiên tiến về các kỹ thuật nghiệp vụ quản lý hải quan hiện đại.

Hợp phần 3: Tăng cường thực thi và phối hợp giữa ít nhất 5 địa phương được lựa chọn và xây dựng năng lực cho các cán bộ thực thi tại địa phương

Mô tả: Nâng cao năng lực cho lực lượng cán bộ công chức hải quan ở cấp trung ương và cấp địa phương nhằm đáp ứng các yêu cầu quản lý hải quan

hiện đại, để đảm bảo tính chuyên nghiệp và hiệu quả. Nâng cao năng lực công chức các Bộ, ngành và cấp địa phương dựa trên áp dụng phương thức quản lý rủi ro.

Mục tiêu của Hợp phần 3:

- Rà soát chọn lọc các nhu cầu trọng tâm cần hỗ trợ để nâng cao năng lực cho công chức hải quan và các Bộ, ngành liên quan đến kiểm tra chuyên ngành. Các nhu cầu này thực sự cần thiết có sự đổi mới từ tư duy, nhận thức và cách triển khai thực hiện.

- Hỗ trợ cho các hợp phần khác trong việc đào tạo, tập huấn các nội dung mà các hợp phần đề xuất.

Kết quả chủ yếu: Năng lực thực thi các chính sách tạo thuận lợi thương mại theo phương thức hiện đại được nâng cao cho cán bộ công chức ở cấp trung ương và cấp địa phương của ngành Hải quan và các cơ quan quản lý chuyên ngành.

Các kết quả đầu ra dự kiến đạt được:

- Cán bộ, công chức thực hiện phân tích, xác định trọng điểm được đào tạo, phát triển kỹ năng chuyên sâu;

- Cán bộ, công chức thực hiện thu thập và xử lý thông tin được đào tạo hoàn thiện các kỹ năng còn hạn chế trên cơ sở kết quả phân tích, đánh giá bằng công cụ SWOT;

- Các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về quản lý rủi ro được tổng hợp, giới thiệu và chia sẻ trong toàn Ngành;

- Giúp cộng đồng doanh nghiệp, hải quan địa phương và các bên liên quan hiểu, nhận thức đầy đủ về nhận diện hàng hóa và hoạt động kiểm định hải quan;

- Bộ tài liệu hướng dẫn/sổ tay về kiểm định hải quan trong đó có hướng dẫn kiểm định hàng hóa thuộc diện kiểm tra chuyên ngành được xây dựng ban hành và được sử dụng trong cơ quan Hải quan cũng như Cộng đồng doanh nghiệp;

- Các chương trình đào tạo trực tuyến được xây dựng và triển khai áp dụng tại Trường Hải quan Việt Nam;

- Chương trình đào tạo nghiệp vụ hải quan trực tuyến của WCO được triển khai trong đào tạo nghiệp vụ cho cán bộ, công chức Hải quan Việt Nam;

- Đội ngũ giảng viên và giảng viên kiêm chức của Trường Hải quan Việt Nam được đào tạo chuyên sâu về các lĩnh vực: Trị giá Hải quan, Sở hữu trí tuệ, HS, C/O, quản lý rủi ro...;

- Đội ngũ cán bộ, công chức được đào tạo chuyên sâu về các lĩnh vực: Trị giá Hải quan, Sở hữu trí tuệ, HS, C/O, quản lý rủi ro...;



- Đội ngũ cán bộ, công chức, phóng viên báo Hải quan được đào tạo chuyên sâu về tuyên truyền, phổ biến pháp luật, xử lý thông tin;
- Ban hành các tài liệu ở dạng song ngữ để áp dụng trong nước, bao gồm:
 - + Danh mục HS (Harmonized commodity description and coding system);
 - + Danh mục AHTN (ASEAN Harmonized tariff nomenclature);
 - + Chú giải chi tiết HS (Explanatory notes);
 - + Tuyển tập ý kiến phân loại của WCO (Compendium of classification opinions);
 - + Chú giải bổ sung SEN (Supplementary explanatory notes)

Hợp phần 4: Phát triển quan hệ đối tác giữa hải quan và khu vực tư nhân.

Mô tả: các hoạt động hướng tới thúc đẩy cơ chế tham vấn giữa cơ quan hải quan và khu vực tư nhân hiệu quả hơn và tăng cường đối thoại trong quá trình đề xuất chính sách và cải cách quy trình thủ tục.

Mục tiêu của Hợp phần 4:

Mở rộng diện tham gia chương trình ưu tiên đối với doanh nghiệp thuộc chuỗi cung ứng hàng hóa XNK; nâng cao tính tuân thủ của doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hải quan; khuyến khích doanh nghiệp chủ động tham gia phản biện đối với hoạt động quản lý hải quan; góp phần tạo thuận lợi thương mại và nâng cao hiệu quả quản lý hải quan.

Kết quả chủ yếu: Cơ chế tham vấn giữa cơ quan hải quan và khu vực tư nhân được xây dựng và triển khai tập trung và khâu cải cách, đơn giản hóa quy trình thủ tục nhằm tạo thuận lợi thương mại.

Các kết quả đầu ra dự kiến đạt được:

- Chương trình AEO cho các doanh nghiệp theo chuỗi cung ứng (doanh nghiệp XNK, đại lý hải quan, doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng, doanh nghiệp vận tải, doanh nghiệp logistics,...): doanh nghiệp tuân thủ AEOC, doanh nghiệp an ninh an toàn AEOS, doanh nghiệp AEO (vừa đáp ứng điều kiện doanh nghiệp tuân thủ, vừa đáp ứng điều kiện doanh nghiệp an ninh, an toàn);
- Thực hiện công nhận lẫn nhau về AEO quốc tế;
- Cơ chế phối hợp quản lý, trao đổi thông tin với các Bộ, ngành liên quan đối với các AEO;
- Mở rộng cung cấp dịch vụ công cho doanh nghiệp tuân thủ tự nguyện;
- Tham vấn được triển khai tại tất cả các Cục Hải quan tỉnh, thành phố;
- Báo cáo đánh giá hàng năm về mức độ hài lòng của doanh nghiệp cho các thủ tục hành chính của cơ quan hải quan;

- Cộng đồng doanh nghiệp cùng tham gia tích cực và chủ động với cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình thực hiện các cam kết của Hiệp định TFA;

- Các báo cáo nghiên cứu về xu hướng phát triển của Hải quan thế giới và những tác động trong nước, quốc tế đến hoạt động quản lý nhà nước về hải quan trong giai đoạn 2021-2030;

- Nâng cao nhận thức cho khu vực doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp chuẩn bị ứng phó với những khó khăn thách thức, cũng như tận dụng được các thời cơ trong quá trình hội nhập là nhiệm vụ ưu tiên trong giai đoạn này;

- Tăng cường truyền thông về tạo thuận lợi thương mại, phối hợp và tiếp cận khu vực tư nhân ở địa phương.

2. Khả năng vận dụng hỗ trợ kỹ thuật vào thực tế:

Các hoạt động của dự án đều phục vụ trực tiếp cho công tác chuyên môn của đơn vị Tổng cục Hải quan và các Bộ, ngành liên quan được giao trực tiếp thực hiện dự án.

Khi triển khai các hoạt động của dự án sẽ do các chuyên gia trong nước và nước ngoài của dự án hỗ trợ tư vấn và chuyển giao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động nghiệp vụ hải quan và tạo thuận lợi thương mại. Chính vì vậy, khả năng vận dụng hỗ trợ kỹ thuật vào hoạt động nghiệp vụ thực tế là rất cao.

VI. ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG CỦA DỰ ÁN

1. Đối tượng thụ hưởng trực tiếp của Dự án

1.1. *Đối tượng thụ hưởng trực tiếp của Dự án:*

Tổng cục Hải quan là đối tượng thụ hưởng chính và thực hiện phần lớn các hoạt động của Dự án.

1.2. *Đối tượng thụ hưởng trực tiếp khác của Dự án:*

1.2.1. *Đối với cơ quan nhà nước*

- Các Bộ/ngành có liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước về xuất khẩu nhập khẩu, tạo thuận lợi thương mại đặc biệt là các Bộ ngành tham gia cơ chế một cửa và kiểm tra chuyên ngành, bao gồm: Bộ Công Thương, Bộ Y tế, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài nguyên và môi trường, Bộ Quốc phòng, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ, ngành hữu quan khác.

- Các Sở, ngành liên quan đến hoạt động thực hiện quản lý nhà nước về xuất khẩu nhập khẩu tại một số địa phương được lựa chọn trực thuộc các Bộ nêu trên.

1.2.2. *Các cơ quan, tổ chức tham gia các hoạt động của của Dự án*

Ngoài đối tượng thụ hưởng trực tiếp, Dự án sẽ phối hợp với các cơ quan, Bộ/ngành liên quan và một số địa phương để thực hiện các hoạt động phù hợp

với mục tiêu của Dự án.

2. Đối tượng thụ hưởng gián tiếp

Các đối tượng thụ hưởng gián tiếp của Dự án là các cơ quan, tổ chức, cá nhân không trực tiếp triển khai các hoạt động của Dự án nhưng là các đối tượng được hưởng lợi trực tiếp hoặc gián tiếp từ các hoạt động của Dự án, như:

- Các cơ quan, cán bộ công chức ở Trung ương và địa phương được nâng cao năng lực khi được mời tham gia các hoạt động hội thảo, tập huấn của Dự án.
- Cộng đồng doanh nghiệp được hưởng lợi từ khuôn khổ pháp lý liên quan đến xuất nhập khẩu rõ ràng hơn, minh bạch hơn, thủ tục tinh gọn hơn và hài hòa với các chuẩn mực quốc tế.

VII. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN

1. Kế hoạch hoạt động tổng thể giai đoạn 2019-2023 kèm theo.

2. Giám sát, đánh giá dự án, chế độ báo cáo và họp báo

2.1. Giám sát và đánh giá Dự án

Bộ Tài chính, các cơ quan đối tác và Ban quản lý Dự án có trách nhiệm giám sát và đánh giá Dự án theo quy định tại Nghị định số 16/2016/NĐ-CP và 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Bộ Tài chính, Ban Quản lý dự án và Nhà tài trợ, nhà thầu sẽ thống nhất ban hành Quy chế phối hợp để thực hiện dự án hiệu quả và đúng quy định.

2.2. Chế độ báo cáo

2.2.1 Báo cáo định kỳ

- Các cơ quan đối tác, các cơ quan, tổ chức khác thực hiện các hoạt động của Dự án có trách nhiệm xây dựng báo cáo định kỳ 6 tháng và hàng năm gửi Ban quản lý Dự án.
- Văn phòng Dự án có trách nhiệm xây dựng báo cáo hàng quý, 6 tháng và hàng năm gửi Ban quản lý Dự án. Chậm nhất là ngày 10 tháng sau của mỗi quý, Văn phòng Dự án có trách nhiệm gửi báo cáo cho Ban quản lý Dự án.

2.2.2 Báo cáo theo hoạt động

- Trước khi triển khai thực hiện mỗi hoạt động cụ thể 15 ngày, Văn phòng Dự án có trách nhiệm thông báo với Ban quản lý Dự án về các nội dung cơ bản của hoạt động như: thời gian, địa điểm, hình thức, thành phần tham gia, nội dung của hoạt động ...
- Tất cả các hoạt động của Dự án phải được báo cáo cho Ban quản lý Dự án trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành hoạt động của Dự án. Báo cáo cần cung cấp thông tin đầy đủ về nội dung, các vấn đề về công tác tổ

chức và sự phối hợp với Văn phòng Dự án trong việc triển khai hoạt động. Trong trường hợp cần thiết, Ban quản lý Dự án tổ chức họp để đánh giá kết quả hoạt động.

2.3. Hợp báo công bố kết quả hoạt động của Dự án

Định kỳ hàng năm, Ban quản lý Dự án sẽ phối hợp với Văn phòng Dự án tổ chức họp báo công bố kết quả hoạt động của Dự án trong năm.

VIII. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Cơ quan quản lý thực hiện Dự án

1.1. Chính phủ Việt Nam:

Chính phủ giao Bộ Tài chính là cơ quan chủ quản Dự án. Bộ Tài chính giao Tổng cục Hải quan là Chủ dự án. Tổng cục Hải quan có trách nhiệm thành lập Ban Quản lý dự án theo quy định.

a) Ban Chỉ đạo Dự án:

Ban Chỉ đạo Dự án được thành lập theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính, thành phần gồm đại diện của: Lãnh đạo Bộ Tài chính, Lãnh đạo Tổng cục Hải quan và một số Lãnh đạo các Vụ: Hợp tác quốc tế, Pháp chế, Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại của Bộ Tài chính.

Ban Chỉ đạo Dự án định hướng các nội dung, hoạt động của Dự án và chỉ đạo phối hợp với các Bộ, ngành liên quan để thực hiện Dự án.

Ban Chỉ đạo sẽ họp vào tháng 9 hàng năm để đánh giá kết quả hoạt động của năm, thống nhất và phê duyệt Kế hoạch hoạt động năm tiếp theo của Dự án. Ban chỉ đạo Dự án có thể họp đột xuất trong các trường hợp đặc biệt theo đề nghị của cơ quan chủ quản và Ban quản lý Dự án.

Nguyên tắc hoạt động của Ban chỉ đạo như sau:

- Cuộc họp của Ban chỉ đạo sẽ do Trưởng ban chỉ đạo hoặc Phó Ban (khi được ủy quyền) điều hành;

- Thành viên dự họp Ban chỉ đạo về phía Việt Nam gồm: Các Phó Giám đốc Ban QLDA;

- Thành viên dự họp Ban chỉ đạo về phía USAID gồm: Đại diện của USAID Việt Nam; Đại diện của Văn phòng Dự án của USAID;

Chức năng của Ban chỉ đạo gồm: (i) Phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm phù hợp Kế hoạch tổng thể đã được phê duyệt cùng với Văn kiện này (ii) Quyết định điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi kế hoạch thực hiện Dự án (iii) Xem xét các vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án hoặc có liên quan đến Dự án (iv) Kiến nghị các hành động cần thiết đối với các đơn vị liên quan

b) Ban Quản lý Dự án:



Căn cứ vào quyết định giao chủ dự án, Tổng cục Hải quan sẽ thành lập Ban Quản lý dự án với thành phần dưới đây và các thành viên thuộc BQLDA sẽ được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm, cụ thể như sau:

- Giám đốc: 01 Lãnh đạo Tổng cục Hải quan;
- 02 Phó Giám đốc: 01 PGĐ thường trực điều phối các hoạt động giữa bên thụ hưởng và nhà tài trợ và 01 PGĐ phụ trách các hoạt động thuộc các hợp phần của Dự án.
- Lãnh đạo cấp Cục/Vụ một số đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan và một số Cục Hải quan tỉnh/thành phố;

Nhóm điều phối: đại diện Lãnh đạo cấp Phòng và công chức của các đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan tỉnh/thành phố;

Nhóm Thư ký, tổng hợp, tài chính: 01 Kế toán trưởng, 01 kế toán và 01 thủ quỹ, thư ký, hành chính, tổng hợp.

Sau khi Ban QLDA được thành lập, Tổng cục Hải quan sẽ ban hành quy chế làm việc của Ban QLDA theo qui định. Ngoài các công việc hành chính liên quan đến Quản lý dự án, các Phó Giám đốc Ban QLDA chịu trách nhiệm chính trong phối hợp, chỉ đạo thực hiện các đầu ra theo phân công của Giám đốc dự án. Ban QLDA có tài khoản và sử dụng con dấu chung của Tổng cục Hải quan trong thời gian hoạt động của Ban QLDA.

1.2. Nhà tài trợ

a) Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID):

Đại diện cho Chính phủ Hoa Kỳ hỗ trợ kỹ thuật cho các đối tác, các cơ quan, tổ chức của Việt Nam.

b) Văn phòng Dự án

Văn phòng Dự án là cơ quan điều hành Dự án phía Hoa Kỳ theo sự uỷ quyền của USAID. Văn phòng Dự án sẽ chịu trách nhiệm thực hiện Dự án và quản lý các khoản tài trợ của USAID theo pháp luật Hoa Kỳ, pháp luật Việt Nam và theo uỷ quyền của USAID. Văn phòng Dự án được sử dụng con dấu riêng và mở tài khoản tại ngân hàng.

Trong thời hạn một (1) tháng sau khi Văn kiện Dự án được lãnh đạo Bộ phê duyệt, Văn phòng Dự án sẽ phải hoàn thành việc xây dựng các văn bản về hướng dẫn thực hiện Dự án và các văn bản hướng dẫn liên quan. Các văn bản này đảm bảo phải có ý kiến của Bộ Tài chính trước khi ban hành.

Văn phòng Dự án có trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý Dự án và Chủ dự án trong quá trình xây dựng Kế hoạch tổng thể, Kế hoạch hàng năm của Dự án theo đúng thời gian, kế hoạch, lộ trình triển khai do Ban Quản lý dự án đề xuất và được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo kế hoạch hoạt động cụ thể trong năm.

Văn phòng Dự án hỗ trợ các cơ quan triển khai các hoạt động của Dự án sau khi Kế hoạch hoạt động được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Để đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam về quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA, Văn phòng Dự án báo cáo kế hoạch giải ngân trong 5 năm và định kỳ hàng quý, 6 tháng và hàng năm, Văn phòng Dự án gửi báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân của Dự án để Ban Quản lý Dự án báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Văn phòng Dự án tham gia thực hiện các hoạt động dự án do Ban Chỉ đạo, Ban QLDA yêu cầu trong phạm vi Kế hoạch hoạt động tổng thể và Kế hoạch hoạt động năm đã Cơ quan chủ quản và Chủ dự án phê duyệt.

Mối quan hệ giữa Ban chỉ đạo Dự án và Nhà tài trợ là mối quan hệ đối tác, mối quan hệ giữa Ban quản lý Dự án và Văn phòng Dự án (nhà thầu thực hiện Dự án) là mối quan hệ phối hợp.

2. Thực hiện các hoạt động và đảm bảo bảo đầu ra dự án.

Nguyên tắc triển khai thực hiện các hoạt động của dự án: Phía Việt Nam sẽ tiến hành thực hiện và phía USAID sẽ cung cấp hỗ trợ, các chuyên gia hải quan, tư vấn cần thiết. Trên cơ sở các hoạt động được thống nhất, khi triển khai, các đơn vị được giao thực hiện hoạt động dự án sẽ xây dựng kế hoạch công việc, chủ động bố trí nguồn lực (bao gồm cả nhân lực) cho từng hoạt động để đạt được các đầu ra tương ứng. Để đảm bảo tiến độ và đạt hiệu quả của Đầu ra của dự án, Tổng cục Hải quan giao trực tiếp cho các đơn vị thụ hưởng chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các hoạt động của dự án, cụ thể như sau:

Hợp phần A: Vụ HTQT phối hợp với Văn phòng Dự án thực hiện

Hợp phần 1: Cục CNTT&TK, Cục GSQL và Vụ HTQT thực hiện

Hợp phần 2: Cục GSQL, Cục QLRR và Cục Thuế XNK thực hiện

Hợp phần 3: Vụ TCCB và Trường Hải quan phối hợp với các Vụ, Cục liên quan và các Cục Hải quan địa phương để triển khai thực hiện

Hợp phần 4: Ban CCHĐH và Cục KTSTQ thực hiện

Việc triển khai các hoạt động của dự án được coi là nhiệm vụ của đơn vị và gắn với kế hoạch công tác hàng năm của từng đơn vị. Thủ trưởng và lãnh đạo đơn vị căn cứ vào kế hoạch công tác hàng năm, căn cứ vào kế hoạch hoạt động của dự án, sẽ chủ trì phối hợp với Ban QLDA, và Văn phòng Dự án của USAID xây dựng kế hoạch chi tiết và chỉ đạo tiến hành các hoạt động của dự án theo khung thời gian cho mỗi hoạt động. Nguồn nhân lực triển khai thực hiện các hoạt động của dự án do thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ chỉ đạo để triển khai phù hợp với mục tiêu của từng hoạt động của dự án.

3. Cơ chế phối hợp.

3.1 Mối quan hệ, cơ chế phối hợp giữa cơ quan chủ quản, chủ dự án, ban quản lý dự án và các đơn vị thực hiện dự án:



Bộ Tài chính là cơ quan Chủ quản dự án. BQLDA có chức năng giúp cho Chủ dự án thực hiện quản lý và điều phối dự án. Chế độ báo cáo của dự án như sau:

Ban Quản lý dự án báo cáo Chủ dự án và Ban Quản lý dự án thay mặt Chủ dự án báo cáo Ban chỉ đạo Dự án. Các Điều phối viên theo nhiệm vụ điều phối đầu ra được giao, sẽ tiến hành theo dõi, tổng hợp kết quả, đánh giá tiến trình thực hiện. Điều phối viên chung của dự án tiến hành tổng hợp và xây dựng các báo cáo cho BQLDA. Các đơn vị được giao thực hiện các đầu ra sẽ báo cáo Tổng cục Hải quan (qua Ban QLDA) các kết quả đạt được, các vướng mắc khó khăn cũng như kiến nghị đề xuất về việc triển khai thực hiện các hoạt động của dự án. Mối quan hệ giữa BQLDA với các đơn vị của Tổng cục Hải quan là mối quan hệ phối hợp.

3.2. Phối hợp giữa các đơn vị tham gia thực hiện dự án với nhà tài trợ và các cơ quan khác trong quá trình thực hiện dự án.

Ban quản lý dự án thay mặt cho Chủ dự án trong việc phối hợp với Nhà tài trợ cũng như trong phối hợp với các cơ quan có liên quan khác.

4. Mối quan hệ giữa BQLDA với Văn phòng Dự án của USAID và Ban chỉ đạo Dự án:

- BQLDA và Văn phòng Dự án luôn duy trì liên lạc đảm bảo các công việc được diễn ra xuyên suốt.

- BQLDA và Văn phòng Dự án trao đổi để đưa ra các quyết định về chương trình làm việc cũng như nội dung làm việc.

- BQLDA chịu trách nhiệm theo dõi, quản lý và đánh giá chuyên gia thực hiện các hoạt động của Dự án.

- BQLDA và Văn phòng Dự án cùng phối hợp tổ chức đánh giá, giám sát các hoạt động và kết quả dự án.

- BQLDA chịu trách nhiệm báo cáo và tham gia vào hoạt động của Ban chỉ đạo Dự án.

5. Quy trình thông qua Kế hoạch hoạt động năm

5.1. Thời gian tính Kế hoạch hoạt động năm

Kế hoạch hoạt động năm được bắt đầu từ 01/01 đến hết 31/12 hàng năm.

5.2. Đề xuất hoạt động

Kế hoạch tổng thể của dự án được phê duyệt kèm theo Văn kiện dự án. Tất cả các hoạt động của dự án phải được quy định tại Văn kiện dự án. Dựa trên Kế hoạch tổng thể, hàng năm Ban Quản lý dự án và Văn phòng dự án sẽ phối hợp xây dựng, điều chỉnh kế hoạch chi tiết cho từng năm.

Tháng 7 hàng năm, Ban Quản lý Dự án có công văn hướng dẫn định hướng xây dựng kế hoạch hoạt động năm. Căn cứ công văn hướng dẫn, các

đối tác, các cơ quan, tổ chức có nhu cầu gửi đề xuất hoạt động theo thứ tự ưu tiên tới Ban Quản lý Dự án.

Ban Quản lý Dự án rà soát, lựa chọn các đề xuất căn cứ vào sự phù hợp với mục tiêu của Dự án, chức năng, nhiệm vụ và năng lực thực hiện Dự án của cơ quan đề xuất.

Ban Quản lý Dự án phối hợp với Văn phòng Dự án làm việc với từng cơ quan có đề xuất để cụ thể hóa nội dung đề xuất. Dựa trên kết quả làm việc với Ban Quản lý Dự án và Văn phòng Dự án, lãnh đạo cơ quan đề xuất ký văn bản gửi Ban quản lý Dự án để tổng hợp, xây dựng đề xuất hỗ trợ của Việt Nam đối với nhà tài trợ. Trong trường hợp chưa thống nhất về nội dung đề xuất, Ban Quản lý Dự án có trách nhiệm báo cáo Ban chỉ đạo Dự án tại kỳ họp của Ban chỉ đạo.

5.3. *Phê duyệt Kế hoạch hoạt động năm.*

Ban Quản lý Dự án phối hợp với Nhà tài trợ xây dựng Kế hoạch hoạt động hàng năm trình Ban chỉ đạo phê duyệt.

Ban quản lý Dự án trình bày dự thảo Kế hoạch hoạt động năm và những nội dung đề xuất còn chưa thống nhất (nếu có) để Ban Chỉ đạo Dự án cho ý kiến, thông qua tại cuộc họp của Ban Chỉ đạo Dự án.

Sau khi kế hoạch hoạt động năm được Ban chỉ đạo Dự án thông qua, Ban chỉ đạo Dự án có trách nhiệm trình Bộ Tài chính phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm.

6. Quy trình tuyển dụng chuyên gia tư vấn

Việc tuyển dụng chuyên gia tư vấn do Văn phòng Dự án và Ban Quản lý dự án trao đổi, thống nhất trước khi tuyển dụng. Việc tuyển dụng sẽ được thực hiện theo quy định của USAID và pháp luật Việt Nam.

7. Văn phòng Dự án làm việc với các đơn vị thực hiện Dự án

Các buổi họp, làm việc giữa Văn phòng Dự án với các đơn vị thực hiện Dự án cần được thông báo cho Ban Quản lý Dự án trước ít nhất 5 ngày kể từ ngày tổ chức buổi họp, làm việc. Trong trường hợp cần thiết, đơn vị đầu mối sẽ chủ trì buổi làm việc giữa Văn phòng Dự án với các đơn vị thực hiện Dự án.

IX. TỔNG VỐN CỦA DỰ ÁN

1. Vốn thực hiện Dự án

Tổng vốn đầu tư Dự án: 22.225.672 (hai mươi hai triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn, sáu trăm bảy mươi hai đô-la Mỹ) tương đương khoảng 504.967.267.840 đồng (năm trăm linh bốn tỷ, chín trăm sáu mươi bảy triệu, hai trăm sáu mươi bảy nghìn, tám trăm bốn mươi đồng bao gồm:

+ Vốn ODA viện trợ không hoàn lại do Cơ quan Phát triển Hoa Kỳ tài trợ là 21.785.532 USD (hai mươi một triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn, năm trăm ba mươi hai đô-la Mỹ) tương đương khoảng 494.967.287.000 đồng

(bốn trăm chín mươi tư tỉ, chín trăm sáu mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi bảy nghìn đồng) .

+ Vốn đối ứng (bằng tiền): 10.000.000.000 VND (mười tỷ đồng) tương đương khoảng 440.140 USD (Bốn trăm bốn mươi nghìn, một trăm bốn mươi đô-la Mỹ). Số tiền này sẽ được sử dụng cho các chi phí quản lý hành chính và nhân sự.

Dự tính theo tỷ giá hạch toán ngoại tệ của Kho bạc Nhà nước theo thông báo Bộ Tài chính tại thời điểm lập đề xuất: 1USD = 22.720 đồng (Tháng 11/2018).

2. Bảng Dự kiến phân bổ ngân sách dự án

Kinh phí tổng thể dự kiến được phân bổ chủ yếu theo bốn hợp phần chính để chi trả cho các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật cho đối tác của Dự án khi được Nhà tài trợ và Cơ quan chủ quản chấp thuận. Dự kiến phân bổ ngân sách này có thể thay đổi cho phù hợp với nhu cầu hỗ trợ của Chính phủ Việt Nam, tình hình tài chính của Chính phủ Mỹ và trên cơ sở phê duyệt dự toán ngân sách hàng năm của Quốc hội Hoa Kỳ.

(i) Dự kiến phân bổ ngân sách ODA của Nhà tài trợ:

TT	Hạng mục	Tổng Ngân sách (USD)	Tỷ lệ
1.	Hợp phần A	200.000	0,92%
2.	Hợp phần 1	4.792.004,40	22%
3.	Hợp phần 2	6.389.339,20	29,33%
4.	Hợp phần 3	3.394.336,45	15,58%
5.	Hợp phần 4	5.391.004,95	24,75%
6.	Chi phí hỗ trợ chung	935.739	4,3%
7.	Ngân sách cho nhà thầu phụ	683.108	3,14%
	Tổng số	USD 21.785.532	100%

(ii) Dự kiến phân bổ ngân sách ODA của Nhà tài trợ hàng năm của Dự án:

Theo quy định của USAID, kế hoạch hoạt động và ngân sách sẽ được nhà tài trợ xem xét và phê duyệt hàng năm trên cơ sở ngân sách sẵn có. Dự án dự kiến phân bổ ngân sách theo niên khóa tài chính theo quy định của Hoa Kỳ như sau:

TT	Niên khóa tài chính	Tổng ngân sách
1.	2019 – 2020 Từ tháng 5 đến tháng 12/2018 (Nhà tài trợ giải ngân các hoạt động chuẩn bị triển khai Dự án gồm: đấu thầu, thành lập Văn phòng dự án, chi phí hành chính, nhân sự, nghiên cứu, đánh giá tiền khả thi, khảo sát và các hoạt động của dự án cho đến tháng 9/2019)	9.025.903,87 USD
2.	2020 - 2021	4.968.797,47 USD
3.	2021 - 2022	4.657.106,40 USD
4.	2022 - 2023	3.133.724,25 USD

Căn cứ tiến độ thực hiện và ngân sách còn lại của Dự án, nhà tài trợ có thể đề xuất kéo dài thêm một năm (01) thực hiện mà không điều chỉnh tổng vốn ngân sách tài trợ.

(iii) Dự kiến phân bổ ngân sách từ vốn đối ứng của Việt Nam:

TT	Hạng mục	Tổng Ngân sách (USD)
1.	Chi nhân sự	300.000
2.	Chi quản lý hành chính	140.140
	Tổng số (1+2)	440.140

Việc quản lý tài chính khoản viện trợ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 225/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.

3. Quy định về thuế:

Dự án được hưởng các chế độ về thuế theo quy định của Hiệp định về Hợp tác Kinh tế và Kỹ thuật ngày 22/6/2005 giữa Chính phủ CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.

X. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI DỰ ÁN

Vốn viện trợ 21.785.532 USD do USAID trực tiếp quản lý và giải ngân.

Vốn đối ứng ngân sách: 10.000.000.000 đồng. Nguồn vốn đối ứng được bố trí trong dự toán chi hành chính sự nghiệp hàng năm của Tổng cục Hải quan.

Cơ chế quản lý tài chính đối với phần vốn đối ứng thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Nội dung vốn đối ứng chỉ giới hạn trong các nội dung chi đã được Tổng cục Hải quan và Bộ Tài chính xét duyệt theo quy định hiện hành. Việc thanh quyết toán các khoản mục nói trên thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về chi tiêu cho hoạt động hành chính sự nghiệp.

XI. CÁC HOẠT ĐỘNG THỰC HIỆN TRƯỚC

Theo qui định tại Điều 19 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ thì Dự án không có hoạt động thực hiện trước.

KẾ HOẠCH TỔNG THỂ HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN TẠO THUẬN LỢI THƯƠNG MẠI
(Kèm theo Quyết định số 831/QĐ-BTC ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Bộ Tài chính)

Hợp phần	STT	Nhiệm vụ thực hiện	Mục tiêu	Kết quả đầu ra mong muốn	Đơn vị chủ trì	Thời gian triển khai	Kế hoạch phân bổ vốn ODA (USD)	Kế hoạch phân bổ vốn đối ứng (VND)
Hợp phần A: Hoạt động xuyên suốt							200.000	
	A.1	Theo dõi, đánh giá và Học tập (MEL)						
	A.1.1	Hoạt động học tập hàng quý	Các cuộc thảo luận/cuộc họp có cấu trúc để rút ra các bài học kinh nghiệm và cập nhật tiến độ	Báo cáo tổng kết hội thảo	Ban Quản lý Dự án TFP	2019-2023		
	A.1.2	Đào tạo cho cán bộ dự án về MEL và báo cáo các thông lệ thực hành MEL tốt	Nâng cao năng lực cho cán bộ dự án về MEL và báo cáo các thông lệ thực hành MEL tốt	Đào tạo 1 ngày	Ban Quản lý Dự án TFP	2019-2023		
	A.1.3	Hợp sơ kết đánh giá hàng năm (nội bộ và với đối tác)	Đánh giá kết quả thực hiện hàng năm dự án	Báo cáo tóm tắt nội dung hợp sơ kết đánh giá	Ban Quản lý Dự án TFP	2019-2023		
	A.2	Lồng ghép giới						
	A.2.1	Đào tạo về lồng ghép giới trong các hoạt động của Dự án	Nâng cao năng lực về giới và lồng ghép giới trong các hoạt động của Dự án	Chương trình bồi dưỡng 1 ngày cho đội ngũ cán bộ dự án	Ban Quản lý Dự án TFP	2019-2023		
	A.2.2	Báo cáo/nghiên cứu tập trung về giới (ví dụ, vai trò của phụ nữ trong thương mại, các vấn đề tạo thuận lợi thương mại mà phụ nữ phải đối mặt)	Tổng hợp các bài học và thực hành lồng ghép giới và áp dụng cho Dự án	Báo cáo		2019-2023		
Hợp phần 1: Đơn giản hóa và hài hòa hóa các chính sách thủ tục giữa các cơ quan Chính phủ Việt Nam Mô tả: Hoạt động của dự án hướng tới việc thúc đẩy các sáng kiến luật pháp và thể chế mà Chính phủ Việt Nam ưu tiên cao nhất và/hoặc có thể hỗ trợ tốt nhất cho việc thực thi hiệu quả Hiệp định Tạo thuận lợi Thương mại (TFA) của WTO, đặc biệt chú trọng tới các cam kết nhóm B và C. Việc này bao gồm thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN; đơn giản hóa công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu; và thực thi Hiệp định Tạo thuận lợi Thương mại của WTO.							4.792.004,40	
1	1.1	Cơ chế một cửa quốc gia và cơ chế một cửa ASEAN	Đánh giá tự động hiệu quả của việc thực hiện cơ chế một cửa quốc gia nói chung và của từng Bộ ngành tham gia nói riêng. Từ đó có những giải pháp nâng cao hiệu quả triển khai Cơ chế một cửa nhằm tạo thuận lợi thương mại	Báo cáo nghiên cứu khả thi phục vụ xây dựng hệ thống công nghệ thông tin	TCHQ	2019-2023		
	1.1 bis	Thiết kế lại kế hoạch chi tiết cho một hệ thống CNTT Hải quan tổng thể	Xây dựng và triển khai Đề án thiết kế lại kế hoạch chi tiết cho một hệ thống CNTT Hải quan	Báo cáo tham gia ý kiến của chuyên gia gửi Tổng cục Hải quan với các câu phân của Hệ thống	TCHQ	2019-2023		
	1.2	Ứng dụng công nghệ Blockchain trong kết nối trao đổi thông tin phục vụ triển khai cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và các đối tác ngoài ASEAN	Từng bước ứng dụng công nghệ Blockchain trong kết nối trao đổi thông tin phục vụ triển khai cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và các đối tác ngoài ASEAN	Phương án chuyển đổi nền tảng hạ tầng đáp ứng yêu cầu triển khai công nghệ Blockchain	TCHQ	2019-2023		

Hợp phần	STT	Nhiệm vụ thực hiện	Mục tiêu	Kết quả đầu ra mong muốn	Đơn vị chủ trì	Thời gian triển khai	Kế hoạch phân bổ vốn ODA (USD)	Kế hoạch phân bổ vốn đối ứng (VND)
1	1.3	Kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu	Góp phần hoàn thiện Hệ thống pháp luật liên quan đến thực hiện kiểm tra chuyên ngành theo hướng đơn giản hóa và hài hòa, không còn chồng chéo, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp, giảm thiểu thời gian thông quan hàng hóa xuất, nhập khẩu	Báo cáo Chính phủ giao các Bộ, ngành hoặc có văn bản kiến nghị các Bộ, ngành sửa đổi bổ sung các văn bản pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu	TCHQ	2019-2023		
	1.4	Quản trị thực hiện Hiệp định TF của WTO; Đánh giá chi tiết mức độ thực thi cam kết tại Hiệp định	- Xác định chính xác mức độ thực tế việc thực thi các cam kết tại Hiệp định của Việt Nam tại thời điểm đánh giá, qua đó đề xuất giải pháp đảm bảo các cam kết được thực thi đúng lộ trình và đạt hiệu quả theo đúng thời gian đã cam kết; - Xây dựng được cơ chế giám sát và quản trị, nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các Bộ, ngành liên quan nhằm đảm bảo việc thực thi cam kết Hiệp định đúng tiến độ và hiệu quả	Báo cáo đánh giá thực trạng và các giải pháp để thực hiện hiệu quả các cam kết tại Hiệp định của Hải quan Việt nam	TCHQ	2019-2023		
				Kế hoạch chi tiết triển khai cam kết B, C với lộ trình cụ thể theo thời gian chuyển đổi đã thông báo cho WTO	TCHQ			
				Cơ chế/cách thức theo dõi, đánh giá tiến độ và hiệu quả triển khai được xây dựng	TCHQ			
				Cơ chế điều phối, phối hợp được ban hành; các đợt tham vấn liên quan đến thực thi Hiệp định giữa các bên liên quan được tổ chức thường xuyên	TCHQ			
1.5	Hỗ trợ và nâng cao vai trò và hiệu quả của Ủy ban Tạo thuận lợi Thương mại Quốc gia (UBTTLTMQG), trong đó có Cơ quan Thường trực và các Ban công tác	Vai trò của UBTTLTMQG được nâng cao, thể hiện được mục tiêu, định hướng giám sát triển khai các nhiệm vụ của Ủy ban	- Hỗ trợ Chính phủ Việt Nam thực hiện các biện pháp tạo thuận lợi thương mại của WTO, đổi mới cơ chế tạo thuận lợi thương mại và tăng cường nhận thức - Cơ quan thường trực của UBTTLTMQG hoạt động hiệu quả hơn với trách nhiệm giải trình cao hơn, từ đó đẩy mạnh việc áp dụng các biện pháp tạo thuận lợi thương mại - Hỗ trợ UBTTLTMQG thông qua các Ban công tác để giải quyết các vấn đề kỹ thuật, bảo đảm cách thức tiếp cận bài bản và theo kế hoạch đối với công tác tăng cường tạo thuận lợi thương mại	TCHQ	2019 - 2023			
1.6	Hoàn thiện hệ thống Pháp luật liên quan	Đơn giản hóa thủ tục Hải quan, cắt giảm thủ tục hành chính, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật theo hướng đơn giản tạo thuận lợi thương mại	- Hỗ trợ trong rà soát đánh giá Luật Hải quan 2014 xác định những tồn tại hạn chế cần sửa đổi; - Hỗ trợ TCHQ xây dựng và phổ biến Nghị định mới sửa đổi, bổ sung Nghị định 08/2015/NĐ-CP và Nghị định 59/2018/NĐ-CP và Thông tư mới sửa đổi, bổ sung Thông tư 38/2015/TT-BTC và Thông tư 39/2018/TT-BTC; - Hỗ trợ TCHQ về tuyên truyền, phổ biến pháp luật Hải quan và pháp luật có liên quan	TCHQ	2020-2023			

Hợp phần	STT	Nhiệm vụ thực hiện	Mục tiêu	Kết quả đầu ra mong muốn	Đơn vị chủ trì	Thời gian triển khai	Kế hoạch phân bổ vốn ODA (USD)	Kế hoạch phân bổ vốn đối ứng (VND)
Hợp phần 2: Tăng cường phối hợp giữa trung ương và địa phương về chính sách tạo thuận lợi thương mại và thúc đẩy tạo thuận lợi đối với hàng hóa xuất nhập khẩu Mô tả: Tạo thuận lợi đối với hàng hóa xuất nhập khẩu trong thông quan bằng cách bảo đảm rằng các chính sách và thủ tục tạo thuận lợi thương mại của Chính phủ Việt Nam được thực hiện hiệu quả hơn thông qua tăng cường phối hợp, hợp tác và trao đổi thông tin. Mục tiêu chung là đơn giản hóa, hài hòa hóa thủ tục hải quan theo chuẩn mực quốc tế, minh bạch các quy định pháp luật nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa.							6.389.339,20	
2	2.1	Thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu	Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu	Các đề xuất sửa đổi, bổ sung văn bản pháp luật và biện pháp kỹ thuật nghiệp vụ hải quan nhằm hỗ trợ triển khai hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu	TCHQ	2019-2023		
	2.2	Tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa và kiểm tra xuất xứ hàng hóa	Góp phần triển khai đầy đủ cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo chuẩn mực quốc tế nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu	Báo cáo đề xuất sửa đổi cơ sở pháp lý và quy trình thủ tục Cơ chế kiểm tra, xác định xuất xứ trong trường hợp tự chứng nhận xuất xứ	TCHQ	2019-2023		
			Xây dựng quy trình để hướng dẫn các Cục Hải quan địa phương thực hiện thống nhất với nội dung thông tư 38/2018 về kiểm tra xuất xứ hàng hóa XNK	Hoàn thiện hệ thống pháp luật về xuất xứ hàng hóa				
	2.3	Quản lý rủi ro đối với hàng hóa xuất nhập khẩu qua đường bưu điện, chuyển phát nhanh	Áp dụng thống nhất quy trình QIRR đối với hàng hóa xuất nhập khẩu qua đường bưu điện và chuyển phát nhanh	Quy trình quản lý rủi ro trong thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu qua đường bưu điện, chuyển phát nhanh	TCHQ	2019-2023		
	2.4	Đo lường tuân thủ trong hoạt động XNK	Nâng cao hiệu quả công tác đo lường mức độ tuân thủ nhằm xác định mức độ tuân thủ các quy trình thủ tục và quy định về hải quan trên từng lĩnh vực hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh nhằm chuẩn đoán, xác định các lĩnh vực không tuân thủ, cung cấp thông tin quan trọng để củng cố các phương pháp về quản lý rủi ro, nâng cao hiệu suất, hiệu quả của Ngành và xây dựng các chiến lược cải thiện tuân thủ	Chương trình đo lường tuân thủ được thực hiện hiệu quả	TCHQ	2019-2023		
	2.5	Trị giá hải quan	Nâng lực năng lực của cơ quan hải quan nhằm đảm bảo xác định trị giá nhanh chóng và chính xác, giảm thời gian thông quan	Hệ thống phân tích thông tin trị giá hải quan được xây dựng và áp dụng hiệu quả	TCHQ	2019-2023		

Hợp phần	STT	Nhiệm vụ thực hiện	Mục tiêu	Kết quả đầu ra mong muốn	Đơn vị chủ trì	Thời gian triển khai	Kế hoạch phân bổ vốn ODA (USD)	Kế hoạch phân bổ vốn đối ứng (VND)
2	2.6	Thanh toán điện tử đối với thuế và các khoản thu khác	Mở rộng đối tượng bảo lãnh và hình thức thanh toán điện tử cho các hoạt động thu phí, lệ phí, thanh toán tiền thuế theo dấu tờ khai nợ thuế, nhằm tự động hóa tất cả các hoạt động thanh toán trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan, giảm thiểu thời gian thông quan	Các Quy trình thực hiện. (1) Quy trình thanh toán điện tử, (2) Quy trình thanh toán tiền phí, lệ phí theo mã số thuế, (3) Quy trình thanh toán tiền thuế theo số tờ khai hải quan được ban hành và triển khai thực hiện	TCHQ	2020-2021		
	2.7	Phân tích quy trình thủ tục XNK (BPA) tại các tỉnh được lựa chọn (về Quản lý rủi ro, Kiểm tra chuyên ngành và Phối hợp quản lý biên giới)	BPA là một phương pháp/công cụ được công nhận rộng rãi để tìm hiểu và nâng cao hiệu quả thực hiện các quy trình thủ tục. Do thiếu dữ liệu về sự chồng chéo hoặc mâu thuẫn trong vai trò và trách nhiệm của các bộ chủ quản đối với kiểm tra chuyên ngành ở địa phương nên BPA được tiến hành để xây dựng môc cơ sở về hiện trạng quản lý biên giới. Dữ liệu thu thập được sẽ được dùng để cập nhật sơ đồ quy trình và tiến hành phân tích quy trình thủ tục XNK tại biên giới, đồng thời xây dựng đề xuất/báo cáo về những quy trình thủ tục có thể cắt giảm	Phân loại quy trình, các vấn đề và vướng mắc gặp phải, tạo cơ hội để cơ quan hải quan và các Bộ chủ quản sắp xếp/tái thiết kế quy trình nhằm đơn giản hóa, hải hóa và áp dụng công nghệ thông tin để tạo thuận lợi thương mại ở cấp tỉnh	TCHQ	2019		
	2.8	Hoàn thiện và thúc đẩy khởi niệm, quy trình và thủ tục Xác định trước	Thực hiện xác định trước là một yêu cầu trong Hiệp định WTO TFA. Việc này có thể giúp cắt giảm đáng kể chi phí và sự chậm trễ trong thời gian thông quan bằng cách cho phép doanh nghiệp được cơ quan hải quan xác định trước hàng hóa xuất nhập khẩu của họ một cách kịp thời và mang tính ràng buộc	- Tăng cường sự thống nhất và minh bạch trong việc thực hiện xác định trước của cơ quan hải quan ở cấp tỉnh - Giảm số lượng khiếu nại về thủ tục thông quan, từ đó giảm chi phí cho Khu vực tư nhân - Tạo thuận lợi cho cho thủ tục xử lý trước khi hàng đến để đẩy nhanh tiến độ thông quan hàng hóa	TCHQ	2019-2020		
	2.9	Hỗ trợ áp dụng quy trình xử lý trước khi hàng đến đối với hàng hóa nhập khẩu	Nhằm đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Điều 7 của Hiệp định WTO TFA - Giải phóng và Thông quan Hàng hóa, TCHQ sẽ thiết lập một Hệ thống xử lý trước khi hàng đến đối với hàng nhập khẩu. Hệ thống này cho phép doanh nghiệp nộp dữ liệu thông quan cho Hải quan để xử lý trước và giải phóng hoặc thông quan hàng hóa ngay khi hàng đến hoặc trước khi hàng đến khu vực quản lý hải quan	Hỗ trợ Chính phủ Việt Nam và TCHQ đáp ứng các yêu cầu của Hiệp định WTO TFA về minh bạch hóa và tạo điều kiện cho khu vực tư nhân	TCHQ	2022		

Hợp phần	STT	Nhiệm vụ thực hiện	Mục tiêu	Kết quả đầu ra mong muốn	Đơn vị chủ trì	Thời gian triển khai	Kế hoạch phân bổ vốn ODA (USD)	Kế hoạch phân bổ vốn đối ứng (VND)
2	2.10	Hỗ trợ Chính phủ Việt Nam thực hiện Công ước Istanbul về Tạm quán hàng hóa	Hiệp định TFA (Điều 10.9, Tạm quán hàng hóa) yêu cầu các thành viên WTO phải cho phép đưa hàng hóa vào trong lãnh thổ hải quan của mình và miễn một phần hoặc toàn bộ các khoản thuế nhập khẩu và thuế khác nếu những hàng hóa đó đáp ứng các điều kiện nhất định (ví dụ nếu hàng được nhập để tái xuất). Dự án sẽ phối hợp với TCHQ đánh giá khoảng trống về pháp lý và kỹ thuật trong công tác tạm quán hàng hóa để xây dựng một kế hoạch hành động nhằm thực hiện quy định này của Hiệp định TFA. Dự án sẽ tạo điều kiện tổ chức các cuộc tham vấn giữa khu vực công và khu vực tư nhân, cũng như đánh giá nhu cầu đào tạo của cán bộ TCHQ	Minh bạch hơn đối với khu vực tư nhân, tạo cơ hội cho khu vực tư nhân tác động tới các quy trình thủ tục (sự tham gia lớn hơn của khu vực tư nhân) và hỗ trợ Chính phủ Việt Nam thực hiện các yêu cầu của Hiệp định TFA	TCHQ	2019-2020		
	2.11	Khảo sát và trao đổi học hỏi kinh nghiệm về nghiệp vụ quản lý hải quan hiện đại	Hoạt động này nhằm mục đích trao đổi kinh nghiệm, kiến thức và kỹ năng về hiệu lực và hiệu quả của công tác tạo thuận lợi thương mại và an ninh xuyên biên giới. Đây là hoạt động xây dựng năng lực chủ chốt của TCHQ, thể hiện quyết tâm của Việt Nam trong việc thực hiện Hiệp định TFA và các tiêu chuẩn và sáng kiến của WCO ở tầm quốc gia. Hoạt động này giúp thu thập bằng chứng và kinh nghiệm để rà soát, điều chỉnh, cải tiến khung pháp lý và các quy định về quy trình thủ tục để TCHQ tạo thuận lợi và bảo đảm an ninh thương mại xuyên biên giới	Hỗ trợ TCHQ nhận biết các rào cản, trở ngại và thách thức trong hợp tác quản lý biên giới và tạo thuận lợi thương mại xuyên biên giới, và vai trò chủ chốt của cơ quan Hải quan	TCHQ	2019		
	2.12	Ngân giữa gian lận xuất xứ và chuyển tải bất hợp pháp	Cải thiện luồng thông tin dữ liệu C/O và góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý C/O Tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại hợp pháp của các doanh nghiệp tuân thủ trong những lĩnh vực có rủi ro cao	Nâng cao hiệu quả có chế trao đổi dữ liệu C/O giữa VCCI, Bộ Thương mại và TCHQ Nghiên cứu đề xuất xây dựng các giải pháp để chống lẩn tránh, chống trốn tránh các biện pháp phòng vệ thương mại	TCHQ	2020-2023		
	2.13	Quản lý rủi ro tích hợp	Quản lý rủi ro được cơ quan Hải quan và các cơ quan QLKTCN khác áp dụng một cách nhất quán và hiệu quả	Báo cáo nghiên cứu khả thi về việc thành lập Trung tâm Quản lý rủi ro liên ngành tích hợp để xuất các giải pháp triển khai áp dụng tại Việt Nam	TCHQ	2020-2023		
	2.14	Trung tâm xác định trọng điểm liên ngành	Quản lý rủi ro được cơ quan Hải quan và các cơ quan QLKTCN khác áp dụng một cách nhất quán và hiệu quả	Báo cáo nghiên cứu khả thi về Trung tâm Quản lý rủi ro liên ngành tích hợp, khuyến nghị giải pháp cho Hải quan Việt Nam	TCHQ	2021-2023		

Hợp phần	STT	Nhiệm vụ thực hiện	Mục tiêu	Kết quả đầu ra mong muốn	Đơn vị chủ trì	Thời gian triển khai	Kế hoạch phân bổ vốn ODA (USD)	Kế hoạch phân bổ vốn đối ứng (VND)
Hợp phần 3: Tăng cường thực thi và phối hợp giữa ít nhất 5 địa phương được lựa chọn và xây dựng năng lực cho các cán bộ thực thi tại địa phương Mô tả: Nâng cao năng lực cho lực lượng cán bộ công chức hải quan ở cấp trung ương và cấp tỉnh nhằm đáp ứng các yêu cầu quản lý hải quan hiện đại, các tiêu chí của khung năng lực và theo từng vị trí việc làm của Ngành để đảm bảo tính chuyên nghiệp và liêm chính ở cấp tỉnh và thực hiện phương thức quản lý rủi ro.							3.394.336,45	
3	3.1	Đánh giá năng lực và đào tạo về quản lý rủi ro	Nâng cao trình độ cán bộ thực hiện công tác quản lý rủi ro	Cán bộ, công chức thực hiện phân tích, xác định trong điểm được đào tạo, phát triển kỹ năng chuyên sâu	TCHQ	2019-2020		
				Cán bộ, công chức thực hiện thu thập và xử lý thông tin được đào tạo hoàn thiện các kỹ năng còn hạn chế trên cơ sở kết quả phân tích, đánh giá bằng công cụ SWOT				
				Các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về quản lý rủi ro được tổng hợp, giới thiệu và chia sẻ trong toàn Ngành				
	3.2	Tập huấn, phổ biến về hoạt động kiểm định	Tập huấn, phổ biến rộng rãi đến cộng đồng doanh nghiệp và các bên liên quan về hoạt động kiểm định hải quan tạo thuận lợi và nâng cao chất lượng hoạt động kiểm định đối với hàng hóa XNK	Giúp cộng đồng doanh nghiệp, hải quan địa phương và các bên liên quan hiểu, nhận thức đầy đủ về nhận diện hàng hóa và hoạt động kiểm định hải quan	TCHQ	2020-2023		
				Bộ tài liệu hướng dẫn/sổ tay về kiểm định hải quan trong đó có hướng dẫn kiểm định hàng hóa thuộc diện kiểm tra chuyên ngành được xây dựng ban hành và được sử dụng trong cơ quan Hải quan cũng như Cộng đồng doanh nghiệp				
	3.3	Năng lực đào tạo của trường Hải quan Việt Nam	Nâng cao năng lực của trường Hải quan Việt Nam trong công tác đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công chức của Ngành	Các chương trình đào tạo trực tuyến được xây dựng và triển khai áp dụng tại Trường Hải quan Việt Nam	TCHQ	2019-2023		
				Chương trình đào tạo nghiệp vụ Hải quan trực tuyến của WCO được triển khai trong đào tạo nghiệp vụ cho cán bộ, công chức Hải quan Việt Nam				
				Đội ngũ giảng viên và giảng viên kiêm chức của Trường Hải quan Việt Nam được đào tạo chuyên sâu về các lĩnh vực: Trị giá Hải quan, Sở hữu trí tuệ, HS, C/O, quản lý rủi ro				
	3.4	Đào tạo, nâng cao năng lực của cán bộ, công chức hải quan	Nâng cao năng lực của cán bộ, công chức hải quan	Đội ngũ cán bộ, công chức được đào tạo chuyên sâu về các lĩnh vực: Trị giá Hải quan, Sở hữu trí tuệ, HS, C/O, quản lý rủi ro	TCHQ	2020-2023		
				Đội ngũ cán bộ, công chức, phóng viên báo Hải quan được đào tạo chuyên sâu về tuyên truyền, phổ biến pháp luật, xử lý thông tin				

Hợp phần	STT	Nhiệm vụ thực hiện	Mục tiêu	Kết quả đầu ra mong muốn	Đơn vị chủ trì	Thời gian triển khai	Kế hoạch phân bổ vốn ODA (USD)	Kế hoạch phân bổ vốn đối ứng (VND)
3	3.5	Nâng cao năng lực xác định mã số hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Tạo thuận lợi khi xác định mã số hàng hóa, từ đó dễ xác định nhanh chóng, chính xác các sắc thuế, mức thuế, số tiền thuế DN cần nộp, các giấy phép, điều kiện theo chính sách mặt hàng cần áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đó	Các tài liệu ở danh song ngữ để áp dụng trong nước, bao gồm: + Danh mục HS (Harmonized commodity description and coding system), + Danh mục AITN (ASEAN Harmonized tariff nomenclature), + Chú giải chi tiết HS (Explanatory notes), + Tuyển tập ý kiến phân loại của WCO (Compendium of classification opinions), + Chú giải bổ sung SEN (Supplementary explanatory notes)	TCHQ	2019-2023		
	3.6	Hỗ trợ các Cục Hải quan thành phố được lựa chọn	Nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức hải quan trong thực thi nhiệm vụ, nghiên cứu và triển khai giải pháp nhằm tạo thuận lợi thương mại tại các cảng, cửa khẩu lớn	- Các khóa tập huấn đào tạo về nghiệp vụ - Giải pháp "giảm ùn tắc tại Cảng Cát Lái" tại Cục Hải quan Hồ Chí Minh - Hỗ trợ triển khai tạo thuận lợi thương mại tại một số Cục Hải quan được lựa chọn	TCHQ	2019-2023		
Hợp phần 4: Phát triển quan hệ đối tác giữa hải quan và khu vực tư nhân Mô tả: Mục tiêu là Nhà nước và khu vực tư nhân tham vấn với nhau thường xuyên hơn và tăng cường đối thoại trong quá trình đề xuất chính sách và cải cách quy trình thủ tục. Việc này đòi hỏi phải xây dựng quan hệ đối tác giữa hải quan và doanh nghiệp với mục tiêu cụ thể là: mở rộng diện tham gia chương trình ưu tiên đối với doanh nghiệp thuộc chuỗi cung ứng hàng hóa XNK; nâng cao tính tuân thủ của doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hải quan; khuyến khích doanh nghiệp chủ động tham gia phản biện đối với hoạt động quản lý hải quan; góp phần tạo thuận lợi thương mại và nâng cao hiệu quả quản lý hải quan.							5.391.004,95	
4	4.1	Phát triển chương trình doanh nghiệp ưu tiên	- Mở rộng đối tượng tham gia chương trình thuộc chuỗi cung ứng hàng hóa, bao gồm cả đại lý hải quan, đơn vị kinh doanh kho, bãi, cảng, logistics. - Xây dựng công cụ, phương pháp quản lý tuân thủ nói chung, quản lý doanh nghiệp ưu tiên nói riêng. Cách thức phân loại doanh nghiệp để áp dụng biện pháp quản lý hiệu quả. - Tăng cường quản lý, kiểm soát hệ thống, kiểm soát an ninh an toàn đối với các lô hàng, đối tượng XNK	Chương trình AEO cho các doanh nghiệp theo chuỗi cung ứng (doanh nghiệp XNK, đại lý hải quan, doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng, doanh nghiệp vận tải, doanh nghiệp logistics, ...) doanh nghiệp tuân thủ AEOC, doanh nghiệp an ninh an toàn AEOS, doanh nghiệp AEO (vừa đáp ứng điều kiện doanh nghiệp tuân thủ, vừa đáp ứng điều kiện doanh nghiệp an ninh, an toàn)	TCHQ	2019-2023		
				Thực hiện công nhận lẫn nhau về AEO quốc tế				
				Cơ chế phối hợp quản lý, trao đổi thông tin với các Bộ, ngành liên quan đối với các AEO		2022-2023		
	4.2	Thực hiện chương trình quản lý tuân thủ	Nâng cao tính tuân thủ của doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hải quan	Mở rộng cung cấp dịch vụ công cho doanh nghiệp tuân thủ tự nguyện	TCHQ	2020		

Hợp phần	STT	Nhiệm vụ thực hiện	Mục tiêu	Kết quả đầu ra mong muốn	Đơn vị chủ trì	Thời gian triển khai	Kế hoạch phân bổ vốn ODA (USD)	Kế hoạch phân bổ vốn đối ứng (VND)
4	4.3	Tham vấn Hải quan - Doanh nghiệp	Khuyến khích tinh chủ động của doanh nghiệp tham gia phân biên xã hội trong công tác quản lý nhà nước về hải quan	Tham vấn được triển khai tại tất cả các Cục Hải quan tỉnh, thành phố	TCHQ	2020-2022		
	4.4	Khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với các thủ tục hành chính của cơ quan hải quan	Xác định được mức độ hài lòng của cộng đồng doanh nghiệp đối với thủ tục hành chính của cơ quan hải quan; nhận diện các thủ tục và các khâu còn tồn tại, hạn chế, từ đó có giải pháp cải thiện để tăng mức độ hài lòng của cộng đồng DN đối với thủ tục hành chính của cơ quan hải quan, tạo thuận lợi tối đa cho hoạt động XNK	Báo cáo đánh giá hàng năm về mức độ hài lòng của doanh nghiệp cho các thủ tục hành chính của cơ quan hải quan	TCHQ	2019-2023		
	4.5	Kết nối với cộng đồng doanh nghiệp và gần doanh nghiệp cùng tham gia vào quá trình thực thi cam kết theo Hiệp định	Các cam kết của Hiệp định được đảm bảo thực thi hiệu quả và bền vững tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại	Cộng đồng doanh nghiệp cùng tham gia tích cực và chủ động với cơ quan quản lý nhà nước (Hải quan) trong quá trình thực hiện các cam kết của Hiệp định	TCHQ	2019		
	4.6	Xây dựng Chiến lược phát triển Hải quan giai đoạn 2021-2030	Tổng kết Chiến lược phát triển hải quan đến năm 2020 (Chiến lược 448) nhận diện những khó khăn, thách thức và kết quả thành công để tiếp tục hoàn thiện đảm bảo tính bền vững của kết quả đã đạt được, nghiên cứu xu hướng phát triển hải quan thế giới trong giai đoạn tiếp theo và những tác động trong nước, quốc tế, xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển hải quan giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn 2035.	Chiến lược phát triển hải quan đến năm 2020 (Chiến lược 448) được tổng kết đánh giá, đưa ra các bài học kinh nghiệm, kết quả thành tựu giai đoạn vừa qua, đồng thời xác định được những yêu cầu, điều kiện cần thiết để tiếp tục hoàn thiện và phát triển những kết quả đạt được đảm bảo tính bền vững của các kết quả trong tương lai Các báo cáo nghiên cứu về xu hướng phát triển của Hải quan thế giới và những tác động trong nước, quốc tế đến hoạt động quản lý nhà nước về hải quan trong giai đoạn 2021-2030 Chiến lược phát triển hải quan giai đoạn 2021-2030 được Thủ tướng ban hành và tổ chức triển khai thực hiện	TCHQ	Q1/2020 2022		

Hợp phần	STT	Nhiệm vụ thực hiện	Mục tiêu	Kết quả đầu ra mong muốn	Đơn vị chủ trì	Thời gian triển khai	Kế hoạch phân bổ vốn ODA (USD)	Kế hoạch phân bổ vốn đối ứng (VND)
4	4.7	Mình bạch hóa các cam kết trong FTA	Tăng cường nhận thức cho các doanh nghiệp về chính sách thuế nhập khẩu của Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế, qua đó giảm thiểu thời gian thông quan, khuyến khích doanh nghiệp sử dụng C/O ưu đãi để tận dụng lợi ích của FTA; thực hiện điều khoản cam kết tại Phần 1, Điều 1, Khoản 1.1 (b) và (i); Điều 2, Khoản 1.3	Báo cáo đánh giá về mức độ tận dụng ưu đãi thuế quan của doanh nghiệp	Bộ Tài chính	2020-2023		
	4.8	Truyền thông về tạo thuận lợi thương mại, phối hợp và tiếp cận khu vực tư nhân ở địa phương	Hiệp định WTO TFA có hiệu lực từ ngày 22/2/2017, và mặc dù Chính phủ Việt Nam đã hoàn thành quá trình phê chuẩn trong nước và thông báo cho WTO các cam kết thuộc nhóm A, B, và C, dường như nhận thức hoặc đánh giá của khu vực công và khu vực tư nhân về lợi ích của Hiệp định này vẫn còn rất hạn chế. Dự án sẽ giúp xây dựng một thiết chế hoặc cơ chế hợp tác và truyền thông ở cấp trung ương - địa phương, đặc biệt tập trung vào các biện pháp tạo thuận lợi thương mại, bao gồm đẩy mạnh và mở rộng áp dụng quản lý rủi ro, đơn giản hóa và cắt giảm thủ tục kiểm tra chuyên ngành.	Nâng cao nhận thức về Hiệp định TFA và những lợi ích mà nó mang lại, tạo cơ hội trao đổi thông tin liên lạc "từ dưới lên" để gây tác động tới chính sách và thủ tục, và trao đổi kinh nghiệm giữa các tỉnh về những thông lệ và sáng kiến tốt nhất	TCHQ	2019-2023		
	Chi phí hỗ trợ chung						935.739	
	Ngân sách cho nhà thầu phụ						683.108	
	Tổng vốn ODA viện trợ không hoàn lại						21.785.532	
	Chi nhân sự							6.816.013.087
	Chi quản lý hành chính							3.183.986.913
	Tổng tiền phân bổ vốn đối ứng trong 5 năm							10.000.000.000

Ghi chú: Mô tả của Hợp phần còn được hiểu là Mục tiêu tổng thể của Hợp phần